

Lê Việt Thường

CLAUDE LÉVI-STRAUSS VÀ KHOA HỌC NHÂN VĂN

DẪN NHẬP **MỘT THỜI ‘CƠ CẤU LUẬN’**

Về Cơ Cấu Luận, hình như có một mối liên hệ đặc biệt và thâm sâu nào đó nối kết hành trình học hỏi nghiên cứu của cá nhân chúng tôi với Cơ Cấu Luận hơn với bất cứ trào lưu Văn Hóa cận đại Tây Phương nào khác! Một trong những lý do chính yếu có lẽ là khi chúng tôi bước vào ngưỡng cửa Đại Học vào cuối thập niên 1960, Claude Lévi-Strauss và Cơ Cấu luận đang là hiện tượng làm chấn động cả thế giới khoa học Nhân Văn ! Chúng tôi còn nhớ bầu khí sôi nổi hứng thú của các nhóm bạn bè thân hữu đang theo học các Phân Khoa khác nhau trong khuôn viên Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, đang bàn tán xôn xao về đề tài ‘ăn khách’ nhất của thời kỳ này!

Bên phân khoa Văn Chương Pháp là Michel Foucault với tác phẩm ‘Les Mots et les Choses’, là Roland Barthes với ‘Le Degré Zéro de l’Écriture’...vvv...Đã thấy thấp thoáng có người đang cầm trên tay các tác phẩm nêu trên mượn từ Trung Tâm Văn Hóa Pháp (Centre Culturel Français) thời đó nằm kế bệnh viện Đồn Đất cách ĐHVK không xa lắm, hoặc nhờ thân nhân bạn hữu mua giùm từ bên Pháp để sử dụng trong các lớp Dự Bị, Chúng Chi hay ngay cả để sửa soạn cho Tiểu Luận Cao Học ban Văn Chương Pháp !

Bạn bè theo học phân khoa Nhân Văn cũng đang được dạy về Claude Lévi-Strauss. Bên ban Triết Đông, giống như đối với bất cứ nhà Tư Tưởng, Triết Gia ‘Thế Giá’ nào của Tây Phương, Cổ Triết Gia Kim Định cũng đang nghiên cứu về Claude Lévi-Strauss và Cơ Cấu luận, mà Ngài có dịp đề cập trong tác phẩm ‘Cơ Cấu Việt Nho’ ra ‘trình làng’ không lâu sau đó!

Các tập san ‘Bách Khoa’, ‘Tư Tưởng’...vvv... của Miền Nam Việt Nam thời đó đều có bài giới thiệu trào lưu Cơ Cấu luận. Riêng tại Pháp, quê hương của Claude Lévi-Strauss, năm 1966 được giới cầm bút ‘phong thánh’ là ‘Năm của Cơ Cấu Luận’. Ở Paris, “cả năm tập san hàng đầu đều dành một số Đặc Biệt cho Cơ Cấu luận . Riêng tập

san 'Esprit' tổ chức một cuộc Hội Thảo về đề tài hấp dẫn này. Các sách xuất bản về Cơ Cấu luận bán chạy như 'tôm tươi': 5000 bản in ấn tác phẩm 'Écrits' của Jacques Lacan bán hết trong vòng hai tuần lễ; độc giả 'tiêu thụ' 800 bản in tác phẩm 'les Mots et les Choses' của Michel Foucault trong vòng năm ngày, Roland Barthes cho 'ra đời' 'Critique et Vérité', Georges Dumézil trong 'La Religion Romaine Archaique', Tsvetan Todorov trong 'Théorie de la Littérature' đều đề cập ít nhiều đến Cơ Cấu luận...vvv...Riêng Algirdas Greimas với 'Sémantique Structurale' nhờ nghe lời vị giám đốc nhà phát hành khuyến nên thêm từ ngữ 'Structurale' vào tựa của tác phẩm, nhờ đó đã bán thêm được 1000 bản!

Thật vậy, 'làn sóng' Cơ Cấu luận đang tràn ngập môi trường Trí Thức Pháp thời đó có thể được 'ví von' như là 'nước vỡ bờ', vượt qua 'cương thổ' xuất phát là địa hạt Ngôn Ngữ học, cũng như môi trường Hàn Lâm ban đầu để lần lượt 'chinh phục' không những các lãnh vực Nhân Chung, Xã Hội, Kinh Tế, Lịch Sử, Triết Học, khảo cứu Văn Học, mà còn làm 'điên đảo' các nhà Phân Tâm học, Phê Bình Văn Học và Điện Ảnh với 'Chân Lý Mặc Khải' là CHÍNH CƠ CẤU XÁC ĐỊNH MỌI SÁNG TẠO CỦA CON NGƯỜI!"(1)

Trào lưu Cơ Cấu luận kéo dài khoảng từ một tới hai thập niên. Vào tháng năm 1966, số thứ ba tập san 'Cahiers pour l'Analyse' mời Jacques Lacan, một trong 'Tứ Trụ' (les quatre Grands) của Cơ Cấu Luận, cộng tác . Lacan viết như sau: 'Phân Tâm học như là môn Khoa Học sẽ có tính chất Cơ Cấu đến chỗ sẽ đi đến việc từ chối sự hiện hữu của một Chủ Thể.... Còn theo Sử gia Francois Dosse, Apex tên của phong trào đem Cơ Cấu luận đi truyền bá ra khắp bốn phương trời trong lãnh vực Khoa Học, chân nhận sự hiện hữu của 'chất men' Cơ Cấu luận như là nguyên nhân của cơn say 'bí tử' đang 'hoành hành' trong giới Trí Thức Pháp vào thời kỳ này mà đỉnh cao là niên biểu 1966 tại Paris,'thủ đô ánh sáng' của nước Pháp! Roland Barthes thì xác định là các chuyện kể của ông từ nay phải từ bỏ tính chất 'biên niên', còn Tsvetan Todorov phải cập đến Cơ Cấu luận để đem lại cho môn Văn Chương tính chất 'Khoa Học', trong khi đó Jean Pouillon cho rằng trào lưu Cơ Cấu Luận là 'hiện tượng' tất yếu không thể nào tránh được...vvv... (2)

Thật vậy, trào lưu Cơ Cấu luận đã đem lại bầu khí Văn Hóa sôi động, hào hứng vào thập niên 1960 tại Pháp, nhất là Paris, bầu khí mà Đại Học Văn Khoa Sài Gòn phần nào chia sẻ có lẽ do mối liên hệ thân cận lâu đời của phần lớn giới Trí Thức Miền Nam thời đó với nền Văn Hóa Pháp. Và giới nghiên cứu thường đề cập tới ‘Tứ Trụ’ (les quatre Grands) của Cơ Cấu luận là Claude Lévi-Strauss, Michel Foucault, Louis Althusser và Jacques Lacan. Một người thứ năm cũng thường được nhắc đến trong lãnh vực Triệu Chứng học (Sémiologie) và phê bình Văn Học là Roland Barthes.

PHẦN MỘT: CLAUDE LÉVI-STRAUSS và CƠ CẤU LUẬN

1) CUỘC ĐỜI

Claude Lévi-Strauss sinh ngày 28.11.1908

Hàn Lâm Viện Pháp năm 1973

Nhưng nhân vật quan trọng nhất, người được xem là Sáng Lập ra Cơ Cấu luận trong khoa học Nhân Văn là Claude Lévi-Strauss. Tuy nhiên, mới thoát trông từ bên ngoài cả về nguồn gốc gia đình, lãnh vực học vấn, lẫn sinh hoạt ở thời trai trẻ, khó có ai đoán trước được những thành tựu của ông sau này về mặt Sự Nghiệp và Văn Hóa !

Xuất thân từ một gia đình Nghệ Sĩ mà thân phụ là một Họa Sĩ, tốt nghiệp ‘École Normale Supérieure’ bộ môn Triết Học, có thời thử mon men vào địa hạt Chính Trị, nếu bình thường thì ông có thể đã trở thành một công chức kín đáo, gương mẫu trong một Bộ, Sở hay một trong trăm, ngàn nhà giáo Pháp kiều đang sinh sống ở một xứ sở xa xôi nào đó, nhưng có lẽ ít người trông chờ là ông sẽ trở thành nhà Nhân Chứng học Nổi Tiếng nhất đương thời, Chuyên Viên Thượng Thặng về các xã hội cổ truyền của Mỹ Châu, Sáng Lập ra một Trào Lưu Tư Tưởng đã từ ít lâu và với một tỷ xích rộng lớn, vượt qua giới hạn của ngành chuyên môn của mình là Nhân Chứng Học!

Nhưng “Cơ Duyên đã đến vào năm 1934 lúc vừa tốt nghiệp “Normale Sup.” môn Triết, đang chán nản thất vọng về cả hai mặt Nghề Nghiệp và hoạt động Chính Trị, Claude Lévi-Strauss đã nhận một chức Giảng Sư về môn Xã Hội học tại Đại Học São Paulo ở Ba

Tây. Trong thời gian ở xứ sở xa xôi này, ông đã có dịp tiếp xúc với thổ dân Da Đỏ qua những cuộc thám hiểm khảo cứu Dân Tộc học trong miền Gatto Grosso và vùng trung bộ Amazonie.

Năm 1939 ông trở về Pháp và bị động viên. Khi Thế Chiến thứ Hai bùng nổ, để tránh chính sách Kỳ Thị người Do Thái của Đức Quốc Xã, ông di cư sang Hoa Kỳ và cùng với các Trí Thức Pháp Kiều khác thời đó tại Hoa Kỳ như Jacques Maritain, Henri Focillon, Roman Jacobson...vvv...thành lập ‘École Libre des Hautes Études’, một loại Đại Học ‘lưu vong’ của giới Trí Thức tỵ nạn Pháp thời đó. Claude Lévi-Strauss theo dạy tại ‘New School for Social Research’ ở New York, viết sách về bộ lạc Nambikwaras ở Ba Tây, và bắt đầu chuyên về môn Nhân chủng học Mỹ Châu. Tới khi nước Pháp được giải phóng, ông giữ chức Cố Vấn Văn Hóa cạnh Tòa Đại Sứ Pháp. Ông từ bỏ chức vụ này vào năm 1947 để trở về Pháp đệ trình luận án Tiến Sĩ với đề tài ‘Les Structures Élementaires de la Parenté’ và ‘La Vie Familiale et Sociale chez les Indiens Namikwaras’ vào năm 1948, cũng như để có thì giờ tham gia nhiều hơn vào công tác nghiên cứu Dân Tộc học tại ‘Musée de l’Homme’ rồi thế chỗ nhà Dân Tộc học Marcel Mauss tại ‘École Pratique des Hautes Études’. Tuy nhiên, ‘hoạn lộ’ của ông không phải lúc nào cũng được suôn sẻ : lý do phải chăng là vì trào lưu Cơ Cấu luận vào thời kỳ đó bị xem là quá ‘Avant-Garde’ (= Tiên Phong) nên các vị chức sắc thủ cựu tại ‘Collège de France’ hai lần từ chối đơn của ông cũng như ông phải đợi 9 năm trời rông rã mới thực hiện được ý nguyện của mình! Năm 1953, Đại Học Harvard gửi ‘đặc sứ’ qua Pháp để tuyển dụng ông, nhưng ông từ chối. Cuối cùng, năm 1959, Claude Lévi-Strauss đã chính thức được mời dạy môn Nhân Học Xã Hội (Anthropologie Sociale) tại ‘Collège de France’ và năm 1961 thành lập một Phòng Thí Nghiệm lớn của bộ môn này, đồng thời cho ra mắt tập san ‘L’Homme’ không bao lâu trở thành tập san hàng đầu trong ngành chuyên môn của ông.(3)

Sau khi hoàn tất ‘trường thiên’ Huyền Thoại bốn tập ‘Mythologiques’ vào năm 1971, hai năm sau (1973) ông đắc cử vào Hàn Lâm Viện Pháp (Académie Française): Danh Dự Cao Quý nhất đối với một Trí Thức Pháp . Ông cũng là thành viên của ‘American

Academy of Arts & Letters’, đoạt các Giải Thưởng Éramus (1973), Meister-Eckhart (2003) về Triết Học, được trao các bằng Tiến Sĩ Danh Dự tại các Đại Học hàng đầu trên thế giới như Oxford, Harvard, Columbia, và các Huy Chương như ‘Grand Croix de la Légion d’Honneur’, ‘Commandeur de l’Ordre National du Mérite’, ‘Commandeur des Arts et des Lettres’.

Và là một Danh Dự hiếm có đối với một Tác Giả còn sống, năm 2008 ‘Bibliothèque de la Pléiade’ bắt đầu cho xuất bản các tác phẩm chính yếu của Claude Lévi-Strauss, mà quan trọng nhất về mặt Phương Pháp luận là:

2) ANTHROPOLOGIE STRUCTURALE (1958)

Thật vậy, qua tác phẩm trên, Claude Lévi-Strauss trình bày và áp dụng PHƯƠNG PHÁP Cơ Cấu (Méthode Structurale) từ đây gắn liền với tên tuổi của ông. Trong đó, tất cả các vấn đề lớn của Nhân chủng học đều được đề cập đến, từ những lệ luật trong lãnh vực Thân Tộc và Cưới Hỏi, qua tập tục Cấm Loạn Luân và chế độ Ngoại Hôn, khái niệm về người Sơ Khai, Tương Quan giữa môn Nhân Chủng với các lãnh vực Sử Ký, Ngôn Ngữ, Xã Hội, Tâm Lý, Phân Tâm, tới lối giải thích Huyền Thoại, Nghi Lễ, Ma Thuật, Tương Quan giữa Nghệ Thuật và các khía cạnh khác của đời sống Xã Hội.....vvv.....

‘Anthropologie Sociale’ cũng bàn đến các vấn nạn được đặt ra về khía cạnh PHƯƠNG PHÁP Nghiên Cứu với sự xuất hiện của trào lưu Cơ Cấu luận. Và cũng qua tác phẩm này được xác định và minh chứng về dự án mà tác giả rất thâm tín từ lâu về khả năng phân tích một cách KHOA HỌC các hiện tượng xảy ra, mà không làm hao tổn đến tính chất ĐA DẠNG, PHONG PHÚ cũng như khía cạnh TỈ MỈ, CỤ THỂ gắn liền với các sinh hoạt của con người. Thật vậy, bên cạnh tính chất Phức Tạp của đời sống Xã Hội xuất hiện ở những giai tầng khác nhau, thì theo ông, đồng thời cũng có sự hiện hữu của nhiều giai tầng khác của Cuộc Sống mà Cơ Cấu luận có thể ‘nắm bắt’ được bằng những LUẬT TẮC. Với cùng một loại hiện tượng mà tác giả vay mượn từ những xã hội khác nhau, hoặc với những loại hiện tượng khác nhau phát xuất từ cùng một xã hội hay từ

các xã hội khác nhau, sự áp dụng Phương Pháp CƠ CẤU sẽ làm xuất hiện những mối Tương Quan mà Lý Trí con người có thể ‘nắm bắt’ một cách dễ dàng hơn là đối với chính những sự vật, biến cố riêng biệt là đối tượng của các mối liên hệ nêu trên. Tóm lại, Nhân chủng học có thể đóng góp những ‘dụng cụ’ chính xác, vững chắc về khía cạnh PHƯƠNG PHÁP để mà một ngày nào đó, các Khoa Học Nhân Văn sẽ có thể tự chính mình đạt được các Tiêu Chuẩn KHOA HỌC đúng nghĩa. (4)

a) VAI TRÒ NGỮ HỌC

Thật ra Cơ Cấu Luận đến với Lévi-Strauss qua trung gian của nhà Ngữ Học gốc Tiệp Roman Jakobson mà ông đã may mắn gặp ở New York năm 1942 khi ông tỵ nạn tại Hoa Kỳ. Nhưng Jakobson lại chịu ảnh hưởng của Ferdinand de Saussure.

Với Jakobson, Lévi-Strauss bắt đầu ý thức được vai trò đặc biệt của Ngữ Học : đây là thực thể riêng biệt nhất của con người cũng như là ngã ba mà mọi ngành học phải đi qua. Có một điểm may mắn khác là Ngữ Học đã trở thành Khoa Học xác thiết đến độ có thể dùng làm mẫu cho các khoa khác. Ngoài ra, có những lý do khác khiến Lévi-Strauss gọi đây là một cuộc Cách Mạng Âm Vị học (révolution phonologique).

Người đi tiên phong trong lãnh vực này là nhà Ngữ Học N.S. Trubetzkoy chủ trương vượt Ý Thức để khảo sát hạ tầng Vô Thức của những hiện tượng ngôn ngữ, lấy đối tượng học hỏi là các mối Liên Hệ giữa các đơn vị Âm Vị học hơn là chính các đơn vị đó, phát hiện những Hệ Thống âm vị cụ thể và Cơ Cấu của chúng, sau cùng cố tìm ra những Định Luật Tổng Quát bằng quy nạp hay diễn dịch.

Sau này nhà Ngữ Học danh tiếng Ferdinand de Saussure nhận ra một chiều kích khác gọi là Hàng Dọc thì tự đây nảy sinh ra CƠ CẤU trong NGỮ LÝ HỌC (Linguistique) (5).

b) PHƯƠNG PHÁP CƠ CẤU

Vậy CƠ CẤU là gì ? Có thể nói Cơ Cấu là một cố gắng vượt qua những cái dị biệt, tạp đả để đạt tới những nét căn bản nhất của bất cứ

một môn học nào. Nói đến nét căn bản có nghĩa là nói tới Tổng Quát. Nhưng không là một cách tổng quát dựa trên lý trí, sự tổng quát ở đây không nhằm mô tả sự kiện như khoa Nhân chủng học trước kia đã làm, mà cách Tổng Quát của Cơ Cấu, có nghĩa là cái gì uyên nguyên hơn, tế vi hơn, vô hình hơn, do đó có sức bao quát hơn nhiều. Claude Lévi-Strauss đã nghiên cứu rất tỉ mỉ về nhiều mối Liên Hệ Thân Tộc trong Thân Tộc học hoặc nhiều loại Huyền Thoại trong Huyền Thoại học của nhiều nhóm dân khác nhau, sau phân tách bên ngoài những dị biệt, ông tìm ra được rất nhiều nét giống nhau giữa các huyền thoại hay liên hệ thân tộc. Căn cứ vào đó, ông kết luận rằng có một Bản Tính Đồng Nhiên cho mọi con người không phân biệt màu da, dòng máu...vvv... và do đó đi đến kết luận là có những Luật Bất Biến chi phối mọi hoạt động của con người cổ cũng như kim. Luật này Không Ý Thức được dễ dàng. Nó nằm ngầm dưới Vô Thức, đưa ra những dạng thức bắt buộc Ý Thức phải tuân theo. Vì thế chỉ cần tìm ra được cái Cơ Cấu Vô Thức nằm ngầm trong mọi định chế, thói tục là tìm ra Nguyên Lý giải thích các thể chế, thói tục, thần thoại khác.

Đó là lý do khiến các nhà Cơ Cấu học nuôi hy vọng có thể sắp xếp hàng trăm các nền văn hóa khác nhau bằng phương pháp đối chiếu, vào một mẫu số chung nào đó, vì văn hóa là những hình thái khác nhau của Cơ Cấu Tâm Thức của mỗi dân tộc. Theo Lévi-Strauss, Cơ Cấu Tâm Thức ấy được hình thành ngay từ bước sơ khai của mỗi dân tộc, và do đó ông đề cao những huyền thoại của những trang đầu lịch sử.

Sau khi nghiên cứu vô số những huyền thoại kèm với thể chế, thói tục...của nhiều sắc dân, chủng tộc thuộc nhiều nền văn hóa khác nhau bằng phương pháp mới của Cơ Cấu luận, Lévi-Strauss tóm tắt công trình nghiên cứu của mình bằng cách đưa ra bốn nét đặc trưng của Cơ Cấu như sau:

- Cơ Cấu vượt lý trí để sang bình diện tiềm thức
- Cơ Cấu chú ý đến những mối liên hệ giữa các hạn từ hơn là những hạn từ riêng rẽ.

– Cơ Cấu là đứng ở toàn cảnh nhìn vào từng phần và tìm cách giải nghĩa từng phần bằng cách đặt chúng trong tương quan với toàn bộ. Chính mối tương quan vô hình định tính các loại văn hóa. Thí dụ Lévi-Strauss phân tích bốn loại Giao Liên với những ký hiệu sau:

= Giao liên có tính cách Tương Liên

+ _ Giao liên Đảo Lại

+ Giao liên xây trên Quyền Lợi

_ Giao liên chú ý đến Nhiệm Vụ

– Điểm cuối cùng và nổi bật của Cơ Cấu là tìm ra những Luật Chung từ những Mô Hình, Dạng Thức đã được phác họa để suy diễn và quy nạp.

Theo Lévi-Strauss, muốn tìm ra Cơ Cấu chung nêu trên, thì phải đẩy sự phân tích sâu xa đến Trung Độ, vì cái lương tri bất biến của Bản Tính con người là hệ thống những NIỆM THỨC nằm xen kẽ giữa Hạ Tầng và Thượng Tầng Kiến Trúc. Nhờ vị trí Trung Gian đó, mà chúng trở nên LUỖNG DIỆN, tức vừa có tính THƯỜNG NGHIỆM mà lại KHẢ TRI (empirique et intelligible). Là Thường Nghiệm nên Biến Đổi, còn là Khả Tri nên Bất Biến, nghĩa là chúng vâng theo một số Mẫu Mực trở đi trở lại, vì chúng xuất phát từ một Lương Tri luôn luôn Đồng Nhất với mình. Do đó, chúng vượt lên trên quan điểm xã hội hay biến đổi. Điều quan trọng là tìm ra những Cơ Cấu đó. Chúng tuy không có nhiều nhưng rất khó tìm, vì chúng bị chôn vùi dưới những phạm trù lý trí, những dạng thức do trí con người tạo ra hoặc những tổ chức đa dạng trong xã hội. Trong mục đích tìm hiểu Cơ Cấu Vô Thức cơ bản đó, Lévi-Strauss đề nghị KIẾN TẠO ra những DẠNG THỨC để làm dụng cụ quan sát và xếp loại từ những dữ kiện thô lợm được trong vùng tiềm thức, vì Tiềm Thức là miền âm u mờ mịt như biển đại dương, nên không thể y cứ vào cái gì để làm tiêu điểm. Những dạng thức được kiến tạo ra KHÔNG có phần Cảm Giác CỤ THỂ (sensible), nhưng lại có phần KHẢ NIỆM (intelligible). Nói cách khác, dạng thức làm cho ta lùi xa thực tại, vì đánh mất phần cảm giác cụ thể, là cốt để Năm Vững hơn được Thực Tại bằng Khả Niệm Tính, kiểu như khoa học Vật Lý cũng cắt xén sự

vật bằng những phương pháp trừu tượng hầu chế ngự thực tại. DẠNG THỨC của Cơ Cấu luận tương tự Phạm Trù của triết gia Kant, còn CƠ CẤU giống như Niệm Thức của Kant, nghĩa là một thứ TRUNG GIAN vừa có tính chất Cảm Giác CỤ THỂ hầu đi sát sự vật, lại thêm tính chất Lý Luận TRỪU TƯỢNG để sắp xếp sự vật. Do đó, Dạng Thức được kiến tạo có lý do tồn tại của nó nên đã xuất hiện nhiều lần, nhưng với Lévi-Strauss thì được khai triển một cách triệt để và hệ thống. Trong khi đi tìm những chất liệu để kiến tạo dạng thức, Lévi-Strauss chú ý đến ĐIỂM NỐI đã hiện hình trong lãnh vực liên hệ. Đây là một điều Tối Quan Trọng, nhưng không được chú ý cách đầy đủ trong các khoa liên hệ. Xu hướng chung là chỉ chú ý có một phía : Triết thì chú ý Lý Trí, Sử thì Duy Kiện, Ngôn Ngữ thì Ngữ Luật. Không có khoa nào chú trọng đến ĐIỂM NỐI giữa Ý Thức với Tiềm Thức, Cảm Xúc với Khả Tri, Văn Hóa với Thiên Nhiên. Và vì vậy tất cả đều bị lên án là MỘT CHIỀU hay ĐỘC KHÓI. Lévi-Strauss đã muốn bù đắp chỗ đó bằng nghiên cứu những Điểm Nối Hiện Hình như tục CẨM LOẠN LUẬN là Điểm Nối trong Thân Tộc học giữa Thiên Giới (l'ordre naturel) và Nhân Giới (l'ordre culturel), HUYỀN THOẠI là Điểm Nối trong Huyền Thoại học giữa Ý Thức và Tiềm Thức, giữa Sử Hàng Ngang (histoire diachronique) và Sử Hàng Dọc (histoire synchronique)...vvv...(6).

Trên con đường kiến tạo một Lý Thuyết mới mẻ trong khoa học Nhân Văn là Cơ Cấu luận (Structuralisme) mà nội dung được đúc kết bằng Phương Pháp Cơ Cấu (Méthode Structurale), Lévi-Strauss đã sử dụng rất nhiều chất liệu trong Huyền Thoại học (Mythologie). Vì vậy, HUYỀN THOẠI (Mythe) đóng một vai trò rất quan trọng trong Sự Nghiệp của ông. Mà Huyền Thoại thường xuất hiện vào thời đầu của Lịch Sử con người, do đó muốn hiểu một chút bầu khí, khung cảnh của Huyền Thoại, ông phải đi nghiên cứu sinh hoạt, nếp sống, nếp nghĩ của các Sắc Dân Thiểu Số còn sót lại ngày nay. Công việc này được Lévi-Strauss đúc kết trong tác phẩm “La Pensée

(Hết Phần Một)

CHÚ THÍCH

- (1) Nicolas Journet, “La Vague Structuraliste”, <<http://www.scienceshumaines.com>>
- (2) Idem, “La Vague Structuraliste, le Flux et le Reflux”
- (3) Idem, “Claude Lévi-Strauss: le plus philosophe des ethnologues”
- (4) Claude Lévi-Strauss, “Anthropologie Structurale”, Plon 1958, 1974, France
- (5) Kim Định, “Cơ Cấu Việt Nho”, Nguồn Sáng, Sài Gòn, 1973, VN tr.27-28
- (6) Đông Lan, “Yêu Mến An Vi”, Văn Hiến, 2004, USA tr.76-91
- Kim Định, “Cơ Cấu Việt Nho”, Idem

Lê Việt Thường

PHẦN HAI: CLAUDE LÉVI-STRAUSS và QUAN NIỆM MỚI VỀ VĂN MINH

1) MỘT QUAN NIỆM MỚI VỀ VĂN MINH

Phần trình bày trên cho chúng ta thấy địa vị Đặc Biệt, Quan Trọng mà Lévi-Strauss đã dành cho Huyền Thoại. Thật vậy, ông xem những truyện Thần Thoại như những Cơ Cấu nổi lờ phờ trên mặt Ý Thức nên dễ khai quật, để giúp tìm ra những Dạng Thức căn cơ cho một xã hội. Ông cho rằng muốn tìm hiểu một xã hội mà lại bỏ bê những Trang Đầu lịch sử và chỉ biết có Sử Ký, tức Sử Hàng Ngang (histoire diachronique), là một SA ĐOÀ, mà hậu quả là sẽ không đạt được Cấu Thức của các định chế. Lý do theo ông là trong bất cứ phương diện nào, chỉ có những BUỐC ĐẦU mới LỚN LAO, chỉ có những sáng tạo ban đầu mới VĨ ĐẠI.

Chính vì thế mà Lévi-Strauss đứng vào phe chống lại thuyết TIẾN HÓA về Văn Minh, vì theo ông, là thuyết mưu toan xóa bỏ các nền Văn Hóa khác để chỉ lấy Âu Châu làm điểm tối hậu, làm tiêu chuẩn duy nhất; và như vậy thì các dân tộc khác phải từ bỏ tiêu chuẩn của mình để theo tiêu chuẩn của Tây Âu. Có thể mới gọi là tiến bộ văn minh : vì theo chủ trương Tiến Hóa thì những sự khác biệt là giả tạo mà không còn là tố chất của các nền văn hóa.

Thế mà theo Lévi-Strauss, sự Tiến Hóa xưa nay không thể đi theo một chiều hướng nhất định, thẳng tắp mà lại không gặp nguy cơ bị “trệch hướng” theo dòng thời gian. Trái lại, chiều hướng có thể thay đổi bất ngờ, ngẫu biến giống như một con “cờ tướng” có sẵn nhiều lối đi, nhưng không bao giờ theo một chiều hướng duy nhất. Tây Phương có tiến xa trong Kỹ Thuật, nhưng lại kém trong các ngành khác như Tôn Giáo, Mỹ Thuật...vvv.. Chứng cứ là nhiều dân Cô Sơ biết tổ chức đời sống đem lại Hạnh Phúc cho nhiều người hơn bên Âu Châu. Có thể nói họ NGƯỜI hơn những dân Tây Âu văn minh!(7)

Ông còn đưa ra nhiều thí dụ để chứng minh tính chất TƯƠNG ĐỐI trong các quan niệm về Văn Minh Tiến Bộ. Theo ông, từ vài thế kỷ nay, văn minh Tây Phương chỉ chú trọng đến việc tìm kiếm những phương tiện KỸ THUẬT càng ngày càng “mạnh” hơn để phục vụ cho các nhu cầu Vật Chất của con người. Nếu tiêu chuẩn trên được

chấp nhận, thì sự phát triển cao thấp của một xã hội được căn cứ trên số năng lượng được dành cho mỗi cư dân.

Nhưng Lévi-Strauss cho rằng có nhiều loại TIÊU CHUẨN khác nhau về Văn Minh. Theo ông, nếu tiêu chuẩn được áp dụng là khả năng Thích Ứng với những Môi Trường địa lý Khắc Nghiệt nhất, thì không có dân tộc nào bằng dân “Eskimos” ở Bắc Cực hay dân “Bedouins” ở sa mạc Sahara. Cách đây 13 thế kỷ, Đạo Hồi đã “tổng hợp” được nhiều hình thái khác nhau của đời sống như: Kỹ Thuật, Kinh Tế, Xã Hội, Tâm Linh..vvv. với Giáo Lý của họ, điều mà người Tây Phương chỉ mới làm được gần đây với khoa Nhân Chủng. Nhờ vào đó mà Văn Minh và giới Trí Thức Á Rập đã giữ được vị trí hàng đầu ở thời Trung Cổ. Người Tây Phương ở thời Cận Đại tuy là “vua kỹ thuật” nhưng lại có những kiến thức rất “nông cạn” về tiềm năng và cách điều khiển “bộ máy chúa tể” là thân xác con người. Đông Phương đã đi trước Tây Phương mấy ngàn năm về phương diện này, tức về mối liên hệ giữa Tâm Thần và Thân Xác, với các thuật Yoga của người Ấn, Thiền của người Tàu, thể dục tâm thần của người thiểu số Maoris...vvv...(8)

Đó là lý do Lévi-Strauss phản đối thuyết Tiến Hóa được hầu hết người Pháp thời đó theo, trừ hai ông Balandier và Roger Bastide. Tất cả những người ấy đều có đầu óc Đế Quốc giống như người Cộng Sản, (dẫu họ có màu da trắng, vàng hay đen nhưng nên nhớ rằng thuyết Mác Xít bắt nguồn từ Tây Phương): thật vậy, người Cộng Sảnĩ cô công đem ý thức hệ phương Tây trùm lên con người khắp nơi, mà không kể chi tới những sắc thái dị biệt, với chủ trương rất “quái đản” là vô gia đình, vô tổ quốc, vô tôn giáo.! Vì thế nhà nhân chủng học nổi tiếng gốc Anh gọi quan niệm Tiến Hóa trên kia là NGUY SỬ.

Do đó, ông Malinowski đưa ra thuyết CHỨC NĂNG (fonctionnalisme) để chống lại. Ông này cho rằng thuyết Tiến Hóa quá trừu tượng vì xem xã hội sơ khai như lệ thuộc vào lịch sử Tây Phương. Đó là lối nhìn cũ kỹ cắm mắt vào những yếu tố lẻ tẻ vụn vặt mà không chú ý đến toàn bộ làm thành bởi những yếu tố ấy. Vậy cần lập ra Chức Năng thuyết để nghiên cứu về tác hành của xã hội. Cái

đó nằm ngay trong hiện tại của nó, vì xã hội ấy chỉ có thể tồn tại và điều hành được là nhờ những yếu tố hiện tại có trong xã hội chứ không phải những yếu tố đã khuất dạng trong quá khứ. Và vì thế mà quan niệm Chức Năng đi đến chỗ PHỦ NHẬN LỊCH SỬ, phủ nhận BIẾN ĐỘNG. Đó là một quá đáng khác mà Lévi-Strauss đã muốn tránh.

Vì thế tuy ông rất chú ý đến CƠ CẤU nhưng đồng thời cũng công nhận rằng nhờ có sự biến chuyển hiện đang xảy ra trong các xã hội cổ sơ mà ta mới có thể khám phá ra những Cơ Cấu nằm ngòm trong các xã hội ấy. Những cơ cấu ấy thường hình thành từ những bước sơ khai của mỗi dân tộc, vì thế Lévi-Strauss đề cao giá trị của những cái KHỞI ĐẦU coi đó như những GẠCH NỐI giữa hai nền SỬ HANG NGANG (histoire diachronique) và HÀNG DỌC (histoire synchronique), vì lúc đó Tiềm Thức tác động mạnh trên Ý Thức hơn các đời về sau.

Quyền “La Pensée Sauvage” của Lévi-Strauss có thể xem như “tiếng chuông sầm chôn táng sự sai lầm của Lévy-Bruhl cho rằng các dân cổ sơ là lạc hậu, là “chưa tới đợt khoa học lý luận nên gọi là tiền lý luận”. Đó cũng là thành kiến của hầu hết mọi người trong thế hệ vừa qua. Tự nay với Cơ Cấu ta phải nghĩ khác. Cơ Cấu sẽ nói với mọi người : “Bạn đừng lấy mình làm thầy, hãy để người khác tiếp tục là họ. Họ còn gần Thiên Nhiên nên cũng gần Căn Cơ hơn bạn!”.(9)

2) MỘT QUAN NIỆM MỚI VỀ LỊCH SỬ

Cơ Cấu Luận không những công hiến một quan niệm Mới về Văn Minh như phân trên cho thấy, mà còn đem lại một Chiều Kích MỚI cho lãnh vực LỊCH SỬ.

Thường khi nói đến SỬ người ta liên tưởng đến Sử các Biến Cố (histoire événementielle) mà Cơ Cấu gọi là Sử Hàng Ngang (histoire diachronique), Sử Khoa Học hay DUY SỬ (historicisme). Duy Sử xuất hiện dưới quyền lực của DUY LÝ chú ý đến BIẾN CỐ (événement) nghĩa là những sự kiện có thực, đã xảy ra nên có thể ghi ngày tháng và địa điểm với những nhân vật có thực.

Nhưng với Cơ Cấu thì nảy ra một loại Sử gọi là Hàng Dọc (histoire synchronique) vận hành với Tiềm Thức, không cần thể hiện vào một cá thể, vì vậy không thể ghi thời điểm và không điểm, nhưng vẫn gọi được là Sử vì có THẬT tuy Không Thực (vraie mais irr elle), mà Nho gọi là “Hữu thực (vraie) nhi vô hồ xứ giả (irr elle)”.

Áp dụng vào Sử thì “hữu thực” là c  những t c động, hay nguyên lý chỉ dẫn hoặc lý tưởng được cư mang...nhưng “vô hồ xứ giả” nghĩa là không cần kết tinh vào c  nh n này hay c  nh n kia. Nhờ đ  n  c  thể là Sơ Nguyên Tượng (Arch type) hay Điển Loại tức là một dạng thức phổ biến, c n nằm trong c i Thiên Thai (mong muốn) nhưng chưa gặp “bước trần ai”, nghĩa là chưa h n c  ai hiện thực được như vậy. N i thế c  nghĩa là trong thực tế như trong chuyện “Đ  Minh tuần thú phương Nam” chẳng hạn, không cần c  những người mang t n là Đ  Minh, nhưng trái lại, c  nguyên lý hướng về  nh s ng (tuần thú phương Nam), c  những t c động th o lui trước qu n x m l ng, rồi lấy vợ ở miền Nam, và gọi đ  là gặp Vụ Tiên tr n núi Ng  L nh, tức là trong miền đất c  nền v n h a đi theo thuyết Ng  Hành. Tóm lại, c  T c Động ĐIỂN HÌNH, mà không cần phải c  người n o c ! N u theo Cơ Cấu, Sử Hàng Ngang (hay Sử K y) đem tin hay cho biết biến c  (apprendre) nhiều hơn là giải nghĩa, th i Sử Hàng Dọc (hay Huyền Sử) giải nghĩa (expliquer) nhiều hơn là đem tin.(10)

V  Lý Tưởng là làm sao Qu n Bình hai loại Sử: Sử K y với Huyền Sử, Hàng Ngang với Hàng Dọc. Phải chẳng chỉ c  Việt Nho mới đạt được thế Qu n Bình n u tr n ? được thấy chẳng hạn qua việc chiết tự chữ DỊCH k p bởi “Nhật Nguyệt” qua đ  NHẬT lu n lu n tr n, tượng trưng cho Thường Hằng hay Sử Hàng Dọc (histoire synchronique), c n NGUYỆT khi tr n khi khuyết , khi  p khi ng ra, biểu thị mọi biến hiện đ i thay hay Sử Hàng Ngang (histoire diachronique).

Trong khi đ  b n tr i Tây, Plato chỉ biết ng m nhìn Lý Giới hay thế giới Ý Niệm (le monde des Id es) v  kh nh thường Cuộc Đ i hay thế giới Cảm Xúc (le monde Sensible) bị xem là PH   NH. Do đ , Plato đ  trở th n một Tri t Gia PHI NH N n n c ng PHI LỊCH SỬ.

Thật vậy, SỬ là sự hiển hiện của NHÂN CHỦ. Nói khác chỉ có SỬ khi con người là CHỦ. Con vật không có SỬ vì không là Chủ. Con người thái cổ chưa có SỬ vì chưa thực sự đạt được Nhân Chủ. Người La Hy chưa đưa SỬ vào chương trình Giáo Dục, vì chưa thiết định xong nền Nhân Bản. Và tình trạng trên kéo dài ở Tây Phương cho đến cuối thế kỷ XVII. Chính vì thế kỷ XVIII nói đến Nhân Bản nhiều nên cũng vội vàng đưa SỬ vào chương trình học. Và cũng từ đây mới nhận ra thiếu SỬ không chỉ là thiếu SỬ, mà còn hàm chứa nhiều cái hại cho con người. Bởi vậy từ đó mới TÔN THỜ SỬ và đẩy đến độ DUY SỬ để lại gây ra một sự QUÁ ĐÁNG khác là chạy theo biến cố hàng ngang với nhịp độ càng ngày càng điên loạn, để đuổi theo sự hội nhập càng ngày càng trở nên diều vợi, khó lòng lập lại được thế quân bình cần thiết giữa Cơ Cấu và Biến Cố (giữa CƠ và DỤNG).(11)

Vì thế mà Lévi-Strauss đã cảnh cáo là đừng để thời gian (duy sử) tiêu diệt mình (= ne laissons pas le temps nous détruire).(12) Và đó là một trong những lý do của sự xuất hiện của Cơ Cấu. Nhưng rồi nhiều tay Cơ Cấu lại đi đến chỗ Chối SỬ, rồi Chối luôn cả Con Người, biến TRIẾT thành PHI NHÂN, PHI SỬ, PHI CHÍNH TRỊ.

Đó là cái vòng luân quân, khiến phần lớn các Cơ Cấu gia QUAY LẠI LỐI CŨ của người xưa, của Hegel chẳng hạn, cho rằng chỉ Toàn Thể mới có, còn thành phần là những con người Cá Thể thì gần như không có! Chỉ Hệ Thống mới có, chứ tôi, một cá thể trong xương trong thịt hầu không có!

Tóm lại, có lẽ từ trước cho đến nay, chưa có một Triết Gia Tây Phương nào đặt nổi một nền tảng vững chắc cân đối cho một quan niệm Lịch Sử. Điều trên có nghĩa là Triết Tây vẫn còn đong đưa giữa hai thái cực:

-hoặc CHỐI SỬ với câu “dưới ánh mặt trời không xảy ra cái chi mới hết”

-hoặc DUY SỬ với câu” không thể tắm hai lần trong cùng một dòng sông”

Sự Thật không có với những người ôm câu này hay câu kia, mà nó nằm trong quan niệm SỬ HAI CHIỀU:

– chiều Hàng Dọc hay Huyền Sử gần như BẤT BIẾN

– chiều Hàng Ngang hay Sử Ký vẫn BIẾN

Có như vậy mới “DĨ BẤT BIẾN ỨNG VẠN BIẾN” !

Liệu Cơ Cấu có đạt được cùng chăng ? Tuy trong “Race et Histoire”, ở phần cuối sách, Lévi-Strauss có vẻ nghiêng sang BẤT BIẾN, nhưng một mặt trước đó, ông cũng đã cố gắng cho Sử Ký hay Sử Hàng Ngang một Giá Trị nào đó, cũng như ông đã ý thức được sự quan trọng của chữ HÒA qua việc đề cao NHẠC. Cho nên ít nhất, Lévi-Strauss cũng đã đi xa hơn bất cứ nhà Cơ Cấu học Tây Phương nào khác trên con đường nói trên.(13)

Ngoài ra, ai cũng biết NHẠC được Việt Nho tôn trọng như “Bà Chúa” cho mọi sự HÒA HỢP: hòa Trời với Đất, hòa Nam với Nữ, hòa Sử Ký với Huyền Sử...vvv...

Mà nét đặc sắc của Claude Lévi-Strauss là ông cũng quan tâm tới NHẠC, coi “Nhạc như mầu nhiệm tối hậu cho các khoa học về con người, một mầu nhiệm mà các khoa nhân văn đều vấp phải, nhưng chính Nhạc là kẻ giữ chìa khóa mở vào mọi tiến bộ.” Ông viết tiếp: “Trên những thanh âm và tiết điệu Nhạc tác động trong một khoảng đất trống là thời gian sinh lý của thính giả dùng để nghe Nhạc, đó là thứ thời gian chạy dài cách tuyệt vọng vì bất khả phục hồi, nhưng Nhạc lại biến đổi nó thành một toàn thể hàng dọc có đủ lý do tồn tại khép kín trên mình. Đến nỗi trong lúc nghe Nhạc, chúng ta như bước vào cõi bất tử, khiến cho tâm thức thấy mình thông hội với cơ cấu thiên nhiên vô thức. Một khi đã đạt đến cõi cơ cấu vô thức của tinh thần đó rồi, nhà cơ cấu van xin người ta bãi bỏ mọi công trình đi trước để hiến trọn thân tâm cho nền thẩm mỹ trầm lặng đặng thiết lập tương quan thâm lặng với vũ trụ”.(14)

Có lẽ cuối cùng Cơ Cấu luận gặp Việt Nho ở đợt “THÀNH U NHẠC” chẳng ?!

3) THỜI ĐÒ ĐÁ MỚI VỚI VĂN MINH NHÂN LOẠI

Tuy nhiên, Việt Nho và Cơ Cấu luận “gặp nhau” không chỉ ở lãnh vực Nhạc, mà còn ở nhiều địa hạt khác nữa, đặc biệt với mối liên hệ giữa quan niệm của Claude Lévi-Strauss về địa vị của thời Đồ Đá Mới (l’Age Néolithique) đối với Văn Minh Nhân Loại, và khám phá Khoa Học gần đây cho thấy Tổ Tiên Lạc Việt có lẽ đã khai sáng ra nền văn minh Nông Nghiệp Đầu Tiên của Nhân Loại tại Đông Nam Á.

Người ta thường đặt nặng tính chất Quan Trọng của các khám phá khoa học gần đây và xem nhẹ các phát kiến của thời xa xưa, như thành kiến còn sót lại ngay trong các sách của ngành Nhân Chủng không lâu trước đây : chẳng hạn sự khám phá ra Lửa thì cho là do tình cờ của sấm sét hay một con cháy rừng nào đó, hoặc việc Nấu Nướng là kết quả của một con môi tình cờ bị thiêu rụi..vvv.. Theo Lévi-Strauss, lối nhìn “ngây thơ” đó bắt nguồn từ sự kiện là đại đa số hoàn toàn “mù tịt” về tính chất Phức Tạp và Đa Dạng trong các “thử nghiệm” cần thực hiện trước khi đạt được kết quả, ngay đối với các khám phá kỹ thuật đơn giản nhất.(15)

Chính vào thời Đồ Đá Mới mà Nhân Loại đã phát minh ra những Kỹ Thuật căn bản cần thiết cho một nền Văn Minh như Canh Nông, Gia Súc, nghề Dệt, làm Đồ Gốm...vvv...Những phát minh căn bản này không phải ngẫu nhiên mà có, trái lại, là kết quả của không biết bao nhiêu nỗ lực của con người.

Mỗi kỹ thuật _ đồ gốm, dệt, trồng trọt, chăn nuôi _ đòi hỏi hằng bao thế kỷ quan sát có phương pháp, hằng bao giả thuyết táo bạo được đem kiểm chứng cùng hằng bao thí nghiệm được làm đi làm lại.

Muốn trồng một loài cây dại, nuôi một loài thú hoang để ăn thịt, muốn chế tạo đồ gốm, muốn tạo nên những kỹ thuật canh tác và dẫn thủy nhập điền, muốn biến những hạt, rễ cây độc thành thực phẩm hoặc dùng độc tính của chúng để đi săn, đánh nhau, làm thuốc, cần phải có một thái độ Tinh Thần thật sự Khoa Học, luôn luôn thèm khát tìm hiểu một cách Không Vụ Lợi. Ấy là chưa kể đến phương thức luyện kim hàng mấy ngàn năm trước, tất cả bắt buộc con người phải có khả năng kỹ thuật và lý luận rất cao.

Con người thời Đá Mới như vậy đã thừa hưởng một truyền thống Khoa Học dài.(16) Điều ngoạn mục ở đây là sự nghiệp Vĩ Đại này đã diễn ra một cách tốt đẹp, liên tục và thành công trong khi CHƯA CÓ CHỮ VIẾT. Sở dĩ sự kiện này cần phải được nhấn mạnh là vì chúng ta thường nghe nói rằng: “Những dân tộc có chữ viết có khả năng tích lũy kinh nghiệm và vì vậy mau tiến hơn, trong khi những dân tộc “mù chữ” vì không thể lưu giữ kinh nghiệm quá khứ nên không có lịch sử, không có ý thức sâu xa về bất cứ dự định nào”.

Vậy làm sao giải thích sự TRÌ TRỆ hằng bao nghìn năm từ thời Đá Mới cho đến khi Khoa Học Hiện Đại phát sinh mà ít nhất một nửa kỳ gian này Nhân Loại đã CÓ CHỮ VIẾT ? Làm sao giải thích là Kiến Trúc của người Ai Cập và người Sumer “có chữ viết” cũng không hơn gì kiến trúc của một số dân tộc Da Đỏ “mù chữ” ?

Theo Lévi-Strauss, từ khi phát minh ra Chữ Viết đến khi Khoa Học Hiện Đại phát sinh, nghĩa là trong khoảng 5000 năm, kiến thức của thế giới phương Tây chỉ có giao động chứ không có gia tăng. Giữa nếp sống và nghĩ của một công dân Hy Lạp, La Mã và nếp sống một người dân Tư Sản châu Âu thế kỷ 18, không có sự khác biệt lớn.

Đành rằng ta khó lòng quan niệm được sự phát triển của Khoa Học vào thế kỷ 19 và 20 nếu không có chữ viết: tuy nhiên, điều trên là CẦN song CHƯA ĐỦ!

Trái lại, Lévi-Strauss cảnh báo chúng ta rằng Chữ Viết xuất hiện cùng với những Đô Thị lớn, những Đế Quốc Trung Đông như Ai cập, Á Đông như Trung Hoa, nhất là Chế Độ NÔ LỆ với cảnh NGƯỜI BÓC LỘT NGƯỜI. Theo ông, vai trò đầu tiên của Chữ Viết thật ra không phải là truyền bá Văn Hóa mà để Kiểm Soát, Nô Lệ hóa dân chúng bằng những tờ khai gia đình , thẻ căn cước, luật lệ...vvv...Nói khác đi, Chữ Viết đi đôi với sự hình thành các xã hội Phân Chia thành Giai Cấp : giai cấp Thống Trị sử dụng Chữ Viết như một khí cụ nhằm đàn áp và bóc lột giai cấp Bị Trị (17)

Tóm lại, vào thời Đồ Đá Mới, với sự đóng góp nền tảng của Tổ tiên Lạc Việt (căn cứ theo các khám phá mới nhất của Khoa Học), Nhân

Loại đã hoàn thành những Bước Tiến Vĩ Đại mà KHÔNG CẦN ĐẾN CHỮ VIẾT!

Nhưng Lévi-Strauss còn đi xa hơn nữa khi ông so sánh cuộc Cách Mạng TÂN THẠCH với cuộc Cách Mạng KỸ NGHỆ. Ông viết: “Cái gọi là Tiến Bộ KỸ THUẬT đã làm tan rã hàng tỷ cơ cấu thiên nhiên độc đáo và không thể thay thế, tạo nên một trạng thái mất quân bình thường trực cho nhân loại...” “Sự thoái bộ của nhân loại đã xảy ra và càng ngày nhân loại càng xa rời trạng thái mà Jean Jacques Rousseau cũng như tôi đều biểu đồng tình: “trạng thái Trung Dung” (Juste Milieu) : trung dung giữa sự vô tư lự thuở sơ khai và sự hăng hái quá mức của tự ái con người” hôm nay.(18)

Và theo Lévi-Strauss , Nhân Loại đã đạt được Đạo TRUNG DUNG vào thời ĐỒ ĐÁ MỚI !

4) CƠ CẤU LUẬN VÀ VIỆT NHO

Phần trình bày trên đã cho chúng ta thấy nhiều điểm Tương Đồng giữa Cơ Cấu luận và Việt Nho như việc đề cao Nhạc, như nhấn mạnh đến địa vị đặc biệt của thời Đồ Đá Mới đối với Văn Minh Nhân Loại...vvv..

Ngoài ra, trong khi trình bày lý thuyết Nhân Văn của mình, những từ ngữ như “Điểm Nói”, “Tương Quan”, “Liên Hệ”, “Giao Liên”, “Mâu Thuẫn”, “Đôi Đáp”, “Phối Hợp”...vvv.trở đi trở lại nhiều lần. Vậy nên hình như có một mối liên hệ sâu xa nào đó giữa các từ ngữ trên của Cơ Cấu luận và chữ TƯƠNG là từ ngữ Nền Tảng trong Dịch Kinh và Việt Nho.

Vậy nên, Cố Triết Gia Kim Định mới viết: “Việt Nho chính là Cơ Cấu”. “Vì Cơ Cấu là gì nếu không là một cố gắng Tổng Hợp. Mà Tổng Hợp đến cùng cực là đưa chữ TƯƠNG vào cõi học độc khôi im lìm của văn hóa Cổ Điển. Mà đã nói đến Tương là phải có những hạn từ ĐỐI ĐÁP, đã đối đáp là có thể vẽ ra ĐỒ THỊ và SỐ ĐỘ..vvv. Đó là những nét Căn Bản của Nho Giáo với câu “âm dương tương thôi” cũng như là đạo Trung Dung của Thái Hòa. Có Tương Quan tất phải có hai hạn từ, và hai hạn từ đó gọi là “âm dương” hay “trời đất, “nam

nữ”, “lý tình”..vvv..Và ĐẠT ĐẠO là đạt thể Bình Quân giữa hai hạn từ đó.

Do đó, Cố Triết Gia đã đi theo lối CƠ CẤU trước khi nghe nói về Cơ Cấu luận. Sau khi đã đọc Lévi-Strauss, nhất là về sự Kiến Tạo MÔ THỨC, Ông có cảm tưởng là Tiên Nho thời rất xa xưa đã kiến tạo ra các Mô Thức: đó là Tam Tài, Ngũ Hành và các hệ quả theo sau (Âm Dương, Tứ Tượng, Bát Quái, Cửu Trù..). Và vì thế nếu phải tìm ra Ông TỔ của Cơ Cấu thì chính là các Vua của Huyền Sử Việt Nho : Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông, Đại Vũ...

Điều trên còn được xác nhận qua nhận xét của nhà nghiên cứu Jean-Marie Aujas trong cuốn “Clefs pour le Structuralisme”. Tác giả viết: “Lévi-Strauss đã được khởi hứng lập ra Cơ Cấu luận là do một Học Giả về Nho Giáo là Marcel Granet, còn những tài liệu cũng như các điều tra của các nhà Nhân Chứng người Mỹ chỉ là tùy phụ”.(19)

Với những ai đã đọc quyển “la Pensée Chinoise” của M. Granet thì câu trên không thể làm ngạc nhiên là vì những Đồ Thị, Số Độ của Đại Toán đã có tràn ngập trong sách đó rồi. Hỏi rằng vậy tại sao Cơ Cấu lại xuất hiện như một Khoa mới lạ ? Thừa trước hết vì Lévi-Strauss có nhờ nhiều vào công trình của các Khoa mới như Ngữ Lý học, Tân Toán học và Uyên Tâm, Nhân Chứng vvv Nhưng nhất là vì phần khác, Cơ Cấu của Việt Nho đã bị Hán Nho vùi dập : Âm Dương, Ngũ Hành bị hiểu cách Tai Di, Phù Pháp, còn Tam Tài thì không còn ai nhận ra ý nghĩa sâu xa của nó nữa.

Vì thế khi Cố Triết Gia khai quật lên thì nó chiếu ra những tia sáng thực mới lạ như đã trình bày trong quyển “Chữ Thời”. Còn tác phẩm “Cơ Cấu Việt Nho” được viết ra là nhằm Tân Thời hóa môn học cổ truyền của Việt Nho: Cố Triết Gia trình bày về Cơ Cấu hiện đại bởi cách này sẽ giúp phần lớn vào việc Minh Nhiên hóa những khả năng Tàng Ẩn trong Cơ Cấu Việt Nho. Những khả thể đó sẽ hiện lên chói chang khi đặt bên cạnh những “khám phá” của Thời Mới. Nhờ đó chúng ta sẽ dễ nhận thức hơn những dị biệt giữa Cơ Cấu của người xưa và của người nay.(20)

(Hết Phần Hai)

CHÚ THÍCH

- (7) Kim Định, “Cơ Cấu Việt Nho”, Nguồn Sáng, SG, 1973, tr.27-28
- (8) Claude Lévi-Strauss, “Race et Histoire”, Ed. Gontier, 1961, France, tr.46-47
- (9) Kim Định, Idem, tr.37
- (10) Idem, tr.29-30
- (11) Idem, tr. 46, Yvan Simonis, Idem, tr. 200
- (12) Kim Định, Idem tr.47
- (13) Kim Định, Idem tr. 49
- (14) Idem tr. 50
- (15) Claude Lévi-Strauss, “Race et Histoire”, Idem, tr.57
- (16) Trần Đỗ Dũng, “Luận Lý và Tư Tưởng trong Huyền Thoại Trình Bày, 1967, SG, tr. 100-102
- (17) Idem, tr. 197-203
- (18) Idem, tr.194-197
- (19) Jean-Marie Aujas, “Clefs pour le Structuralisme”, Ed. Seghers, tr. 88 Kim Định, Idem, tr. 37
- (20) Idem, tr. 38

Lê Việt Thường

PHẦN BA : ẢNH HƯỞNG CLAUDE LÉVI-STRAUSS TRONG LÃNH VỰC NHÂN VĂN

1) TRÀO LƯU DÂN CHỦ NHÂN QUYỀN

Từ ngữ NHO trong nhóm chữ ‘Việt Nho’ có nghĩa là ‘Nhu’, do đó con đường của Việt Nho là Đạo NHU nên có nền Triết Lý TẢ NHÂM nhằm bênh vực người DÂN là những người Cô Thế, Yếu Đuối trước những Thế Lực thường núp đằng sau các nhà cầm quyền. Vậy nên, chúng ta sẽ không lấy làm ngạc nhiên khi học biết rằng vào các thế kỷ 17,18 nền VƯƠNG ĐẠO của Nho Giáo Nguyên Thủy đã Ảnh Hưởng qua trung gian của các giáo sĩ Dòng Tên, đến những người Cha Tinh Thần của nền Dân Chủ Tây Phương như Voltaire, Montesquieu, Rousseau, Franklin, Jefferson...vvv-..

CƠ CẤU luận (Structuralisme) là một thí dụ khác về Ảnh Hưởng của Nho Giáo trên những Trí Thức Hàng Đầu của Tây Phương ngày nay. Thật vậy, được gợi hứng từ Nho Giáo, những công trình của Claude Lévi-Strauss, mà tác phẩm ‘Les Structures Élémentaires de la Parenté’ chẳng hạn được Simone de Beauvoir mô tả là một “tuyên ngôn quan trọng về địa vị của người Phụ Nữ trong các nền Văn Hóa không có nguồn gốc từ Tây Phương”, hoặc qua nội dung của tác phẩm ‘la Pensée Sauvage’ được xem như “tiếng chuông sầm chôn táng sự sai lầm của Lévy-Bruhl cho rằng các dân cổ sơ là lạc hậu”, là “chưa tới đợt khoa học lý luận nên gọi là tiền lý luận”, giúp Tư Tưởng DÂN CHỦ, NHÂN QUYỀN lần lần tiến triển trong xã hội Tây Phương.

Về phương diện NỮ QUYỀN, như chúng tôi đã có dịp trình bày trước đây trong bài viết “Luật Hồng Đức và Vấn Đề Dân Chủ: Tinh Thần và Thê Chế”, thì tại Mỹ, mãi tới năm 1890 nhiều tiểu bang mới sửa đổi và một số tiểu bang vẫn còn áp dụng học lý ‘Femme Couverte’ của Thông Luật, theo đó NGƯỜI VỢ LÀ VẬT SỞ HỮU

CỦA CHÔNG. Ngoài ra, cao trào Phụ Nữ (Feminism) chỉ thực sự lên cao tại Mỹ vào thập niên 1960 và thu thành quả tích cực vào những năm 1990.(21)

Còn về mặt QUYỀN của người THIẾU SỐ, mãi đến năm 1965, với đạo luật Quyền Bầu Cử, tất cả mọi người Da Đen tại Mỹ mới bình đẳng đầy đủ về Chính Trị.(22)

Trước đó 5 thế kỷ, Luật Hồng Đức đã dành cho người Phụ Nữ và các sắc dân Thiểu Số QUYỀN BÌNH ĐẲNG đó rồi.(23)

Với hai cuộc Thế Chiến, chủ nghĩa Thực Dân, chiến tranh Thuộc Địa, giới Trí Thức Tây Phương bắt đầu đặt lại vấn đề đối với nền Văn Hóa của họ. Lévi-Strauss là một trong những nhà Tư Tưởng mà nội dung đã ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp, đến sự ra đời của Đạo Luật về Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc vào năm 1948, đặc biệt liên quan đến vấn đề Bình Đẳng Nam Nữ và Quyền của người Thiểu Số. Và như đã nói ở trên, năm 1952, Lévi-Strauss còn được cơ quan LHQ mời đóng góp ý kiến nhằm giúp giải quyết vấn đề Kỳ Thị Chủng Tộc trên thế giới. Và đó là đối tượng của tập sách mỏng ‘Race et Histoire’ của ông.

2) HIỆN TƯỢNG ‘THÁNG 5 NĂM 68’ (= ‘MAI 68’)

Ngoài ra, toàn bộ tác phẩm của Claude Lévi-Strauss, và đặc biệt quyển ‘Tristes Tropiques’ đã thu hút thế hệ sinh viên vào cuối thập niên 1960 qua hình ảnh của cuộc sống Man Dã, chất phát ‘ngây ngô’ của những người Thổ Dân cuối cùng của bộ lạc Nambikwara ở xứ Nam Mỹ. Có lẽ khi tả họ, ông đã tìm lại được hơi hướng văn phong điềm chút thú vị hăng say của Jean Jacques Rousseau khi tả về con người Tiên Sử mà Rousseau đã tưởng tượng ra hai thế kỷ trước đó!

Thế hệ cuối thập niên 60 đã không lầm lẫn khi họ nhìn thấy trong tác phẩm của Lévi-Strauss một lời Phê Bình đầy tâm huyết liên quan đến đời sống Văn Minh, đến những ảo tưởng về sự Tiến Bộ của nền văn minh Vật Chất: tất cả các điều trên làm nên chất liệu cho sự Phản Kháng của giới Sinh Viên đương thời. Thật vậy, qua công trình của Lévi-Strauss, họ có thể nói là đã có chứng cứ hãn hoi về tình trạng ‘nhân chi sơ tính bản thiện’! Vậy nên, theo họ, điều làm cản trở Hạnh

Phúc của con người không bắt nguồn từ chính Nhân Tính mà từ tính cách Giả Tạo phù phiếm của nếp sống Văn Minh ngày nay. Dẫu cách gián tiếp hay trực tiếp thì Tư Tưởng của Lévi-Strauss cũng đã tỏ ra ‘ăn nhip’ với khía cạnh Lãng Mạn của phong trào Sinh Viên Phản Kháng của thời kỳ kể trên !

3) TRÀO LƯU MÔI SINH

Nhiều trào lưu được phát triển ở các thập niên sau này bắt nguồn từ nền Văn Hóa Mới được thành hình ở thập niên 60 và đối lập với nền văn hóa cổ truyền của Tây Phương. Giới Trẻ của thời kỳ này tuy Đặt Lại Vấn Đề đối với bảng Giá Trị của giới Chăm Quyền đương thời, nhưng theo một cung cách Chưa được Hệ Thống, Mạch Lạc lắm !

Chỉ trong thập niên 70 thì hai phong trào MÔI SINH và NỮ QUYỀN mới nổi bật lên để có thể cung cấp một cái Khung Lý Thuyết mới cho phe Đối Lập chống lại các Giá Trị của phe Chăm Quyền.

Phần trên chúng tôi đã đưa ra các bằng chứng về ảnh hưởng của Tư Tưởng của Lévi-Strauss đối với trào lưu bảo vệ Nữ Quyền và Quyền của người Thiểu Số.

Mặt khác, có thể nói toàn bộ Công Trình của Claude Lévi-Strauss là một bản TUYÊN NGÔN về MÔI SINH. Nhiều đoạn viết rải rác trong các tác phẩm của ông có văn phong và nội dung giống hệt với tư tưởng của các nhà Môi Sinh sau này.

So sánh xã hội Cổ Sơ với xã hội Tây Phương ngày nay Lévi-Strauss viết: “Xã hội phương Tây chúng ta đã đánh mất hẳn thế quân bình giữa nhân giới và thiên giới. Nói cách khác , nhân loại phương Tây hiện đại phản thiên nhiên. Người cổ sơ thì không thế ...”

Hoặc “Cái chủ nghĩa được gọi là ‘nhân bản’ của người phương Tây không hề tôn trọng cảm thú, thảo mộc và những dân tộc khác không đồng quan điểm với mình. Kết luận: chưa bao giờ người phương Tây chúng ta lại dã man như vậy” (24)

Những dòng Lévi-Strauss viết về Xã Thôn sau đây rất gần gũi với quan niệm về ‘Community’ của nhà Môi Sinh danh tiếng David Suzuki trong tác phẩm ‘The Sacred Balance’(25) cũng như rất giống

với Tinh Thần và Thê Chế của LÀNG XÃ Việt Nam thời trước. Ông viết:

“Những hình thái sinh hoạt xã hội đích thực đặt nền tảng trên những tương quan cụ thể giữa các cá nhân, còn những hình thái không đích thực đặt nền tảng trên những tương quan trừu tượng (như hệ thống hành chánh, bàn giấy...). Trong xã hội chúng ta hiện đại, chỉ có sinh hoạt xã thôn là còn chân thực phần nào.”

Chính vì sự phân biệt này mà ta không lấy làm ngạc nhiên nếu thấy Lévi-Strauss đề cao làng xã “những đơn vị kinh tế xã hội và chính trị nhỏ” chống lại khuynh hướng “thành thị hóa nông thôn” quá đáng.(26)

Còn về Môi Sinh thì phong trào này đã củng cố được lực lượng trong các thập niên 80 và 90 và nay thì hoạt động thường trực trong đời sống Chính Trị, cùng như có mặt đều đặn trong Quốc Hội của các quốc gia Âu Châu. Thành phần Trẻ của phe Xã Hội trước kia đã nói rộng Khung Giá Trị cũ để bao gồm không những các giá trị Xã Hội mà còn các ý tưởng về Nữ Quyền, Môi sinh, Tranh Đấu cho Tự Do, Nhân Quyền trên khắp toàn cầu...vvv...(27)

Tóm lại, nếu ở các thế kỷ 17,18 qua trung gian của các người Cha Tinh Thần của nền Dân Chủ Tây Phương như Voltaire, Montesquieu, Rousseau, Franklin, Jefferson...vvv...tinh thần VƯƠNG ĐẠO của Nho Giáo Nguyên Thủy đã ảnh hưởng đến sự hình thành của Tư Tưởng NHÂN QUYỀN và DÂN CHỦ ở Tây Phương, thì một cách tương tự, CỐ CẤU Luận (Structuralisme) với vị đại diện Ưu Tú là Claude Lévi-Strauss mà Tư Tưởng cũng được gợi hứng từ Nho Giáo qua trung gian của vị Học Giả gốc Pháp ‘thâm Nho’ là Marcel Granet, cũng đã ảnh hưởng đến sự Tiến Triển trong lãnh vực Nhân Quyền, đặc biệt liên quan đến QUYỀN Bình Đẳng của người PHỤ NỮ và người THIỂU SỐ cũng như trong địa hạt MÔI SINH vào hậu bán thế kỷ 20 và tiền bán thế kỷ 21.

4) CÁC NHÀ CƠ CẤU KHÁC

Nếu Triết Cổ Điển Tây Phương thường bị ‘cáo buộc’ chỉ là một ‘trò chơi của lý trí’ với các ý niệm trừu tượng, không ăn nhằm gì đến đời

sống cụ thể, thì trái lại Nho Giáo Nguyên Thủy mà học giả J.G. Pauthier tuyên dương là một sự ‘đắc thắng duy nhất của Triết Học’ (= une victoire unique de la philosophie), (28) là một nền Triết Lý thực sự NHÂN SINH tức gắn liền với cuộc sống, và TOÀN DIỆN tức có thể áp dụng vào mọi khía cạnh của đời sống. Nhờ đó, Nho Giáo có được ảnh hưởng lớn rộng như một Tôn Giáo.

Cơ Cấu luận ở giai đoạn lịch sử vừa qua, cũng đã thừa hưởng một phần nào các đặc tính nêu trên, mà tác giả đại diện cho khía cạnh này có lẽ là Roland Barthes.

a) ROLAND BARTHES

Roland Barthes là một Phê Bình gia văn học, một Lý Thuyết gia trong lãnh vực xã hội và triệu chứng học (sémiologie) và cũng giảng dạy tại ‘Collège de France’.

Ông mở đầu sự nghiệp Phê Bình gia bằng những bài báo đăng thường xuyên trên tập san ‘Les Lettres Nouvelles’ qua đó ông bàn đủ thứ chuyện thuộc đủ mọi lãnh vực từ báo chí, văn chương đại chúng, thời trang, luật pháp, ngoại giao, nghi lễ, âm thực đến các lãnh vực giải trí như phim ảnh, kịch nghệ, thể thao (cả đồ vật, đua xe đạp..) ...vvv...

Barthes cho rằng các đồ vật mà người ta mua để sử dụng hằng ngày, ngoài vai trò Thực Dụng của chúng, còn là Ký Hiệu (signes) cho một Ý Nghĩa nào đó. Ông lấy thí dụ sau đây để giải thích về lý thuyết của mình: “Trên trang bìa tờ ‘Paris-Match’ tôi thấy hình ảnh của ‘chú’ lính da đen đang chăm chú hướng về lá cờ ‘tam tài’ của Pháp có lẽ khiến ta liên tưởng đến tình ‘tổ quốc thấm thiết’ của nước ‘Đại Pháp’ đang ‘ban bố tình thương và sự bình đẳng’ cho tất cả mọi công dân không phân biệt màu da, và các ‘con dân’ kể trên cũng đang đáp trả lại lòng ‘ưu ái’ của nước Pháp” !

Ông giải thích ‘trực giác’ trên đây của mình bằng phương pháp Cơ Cấu của Ferdinand de Saussure gọi là “lý thuyết về ký hiệu” như sau : cái hình chụp mà đem ra phân tích thì là sự sắp xếp của những chấm màu trên một cái ‘phông’ trắng là cái mà F. de Saussure gọi là cái “diễn đạt” (signifiant) và ý niệm về ‘chú’ lính da đen đang chào lá cờ

Pháp được gọi là cái “được diễn đạt” (signifié). Cả hai hợp lại làm thành “ký hiệu”(signe). Nhưng theo Barthes, đó chỉ là ký hiệu của đợt nhất vì còn đợt hai nữa ‘nằm ngằm’ dưới đợt nhất mà ở đợt hai này thì ký hiệu (signe) của đợt nhất trở thành cái “diễn tả”(signifiant) của đợt hai cho điều “được diễn tả”(signifié) ở đợt hai này là nước ‘Đại Pháp’ tôn trọng sự Bình Đẳng giữa mọi công dân! Cả hai, tức cái “diễn đạt”(signifiant) lẫn cái “được diễn đạt”(signifié) ở đợt hai làm thành tín hiệu (signe) mà nhà cầm quyền muốn truyền đạt đến mọi người.

Theo Barthes, những hình ảnh tương tự được giới Tư Sản hay Tư Bản cố ý lập đi lập lại nhằm tạo nên những “Huyền Thoại” (theo nghĩa Tiêu Cực) hầu ‘đổi gạc’ quần chúng cho các mục tiêu không mấy tốt đẹp của họ!

Các bài báo trên của Roland Barthes sau này được gom góp lại rồi thêm vào phần lý thuyết được xuất bản dưới tựa đề “Mythologies” (29) Tuy Barthes được biết nhiều nhờ giai đoạn ‘làm báo’ nêu trên, nhưng về mặt Lý Thuyết Văn Học, đây chỉ là chặng đầu tiên trong sự nghiệp của Barthes, vì vào thời kỳ này, vai trò ‘Tác Giả’ vẫn còn quan trọng trong các bài viết của ông.

Ở giai đoạn hai, Roland Barthes bắt đầu chuyển hướng từ Tác Giả (Auteur) sang Văn Bản (Texte). Với tác phẩm ‘la Mort de l’Auteur’ thì vai trò ‘tác giả’ cũng biến mất và xuất hiện một quan niệm mới mẻ về Văn Bản được xem như là một không gian đa kích, nơi gặp gỡ của nhiều lối viết khác nhau với nhiều trích dẫn khác nhau đến từ nhiều trung tâm văn hóa khác nhau. Công việc còn lại của tác giả chỉ là sắp xếp các thứ đã có sẵn. Và vai trò thống nhất Văn Bản không nằm ở điểm khởi đầu là Tác Giả mà ở điểm cuối cùng là Độc Giả (Lecteur)(30)

Với tác phẩm “Le Degré Zéro de l’Écriture”, cũng trong dòng Phương Pháp luận Cơ Cấu, Roland Barthes đối nghịch hai thực tại: một bên Ngôn Ngữ (langue) có tính cách tập thể và cổ sơ và bên kia Văn Phong (style) với đặc tính cá nhân và gần như ‘sinh lý’. Vai trò “hóa giải” tình trạng đối nghịch trên mà ông cho là nằm ở “mức độ zéro” hay trạng thái “trung lập” là các hình thái (Forme) hay lối viết

(Écriture). Theo ông, nếu phần lớn ngôn ngữ và văn phong có tính chất Ước Lệ, thì hình thái hay lối viết được hiểu như cách thức sử dụng các ước lệ về văn phong để đạt một kết quả mong muốn mới thực sự Sáng Tạo.(31)

b) MICHEL FOUCAULT

Sau Claude Lévi-Strauss và Roland Barthes, tác giả thứ ba có địa vị quan trọng trong trào lưu Cơ Cấu luận là Michel Foucault tốt nghiệp ‘École Normale Supérieure’ và cũng giảng dạy tại ‘Collège de France’.

Chịu ảnh hưởng sâu đậm Tư Tưởng của F. Nietzsche, vai trò QUYỀN LỰC (Pouvoir) chiếm một vị trí quan trọng trong các tác phẩm của Michel Foucault, từ Uy Quyền của vua chúa thời xa xưa có thể quyết định sự sống chết đối với người dân một cách độc đoán hay nhân danh cái gọi là Luật Pháp (Loi) đến Quyền Uy của các nhà cầm quyền ngày nay, dựa trên điều mà Foucault gọi là Quy Phạm (Norme) mà theo ông, là một trong những hậu quả của cuộc “cách mạng dân chủ tư sản”. Quyền lực được nhà cầm quyền sử dụng mọi lúc mọi nơi từ lẽ lối tổ chức nhà tù cho tới cách thức đối xử với những người mắc bệnh tâm thần...vvv...

Cùng với Quyền Lực, KIẾN THỨC (Savoir) cũng là đối tượng nghiên cứu của M. Foucault. Ở đây có lẽ chịu ảnh hưởng của Lévi-Strauss khi ông này đưa ra nhận xét là Chữ Viết ra đời cùng lúc với chế độ Nô Lệ, Foucault thường liên hệ Kiến Thức (Savoir) với Quyền Lực (Pouvoir) để làm thành nhóm chữ “Savoir-Pouvoir”!

Nhưng phải chờ đến sự xuất hiện của hai tác phẩm “Les Mots et les Choses”(32) và “L’Archéologie du Savoir” thì Phương Pháp luận Cơ Cấu ‘kiểu Michel Foucault’ mới trở nên rõ nét hơn.

Điều mà Michel Foucault gọi là “Énoncé” (dịch ra tiếng Anh là “Statement”) không phải chính các lời tuyên bố, phát biểu mà là một mạng lưới quy tắc nhằm ấn định cái gì có ý nghĩa cũng như đem lại ý nghĩa cho các lời tuyên bố, phát biểu.

M. Foucault ‘đóng dấu ngoặc’ không những vấn đề “Chân Lý” mà cả vấn đề “Ý Nghĩa” nữa. Thay vì bỏ công đi tìm kiếm, ‘nằm ngằm’

dưới phần nghị luận (discours), nguồn gốc ý nghĩa sâu xa phát xuất từ một chủ thể siêu việt nào đó, thì Foucault lại phân tích các điều kiện cần thiết về mặt thực tế và nghị luận, cho sự hiện hữu của Ý Nghĩa và Sự Thật, bằng cách dựa trên những điều được phát biểu hay viết ra trong các giai đoạn lịch sử khác nhau như ở thời Phục Hưng, thế kỷ Ánh Sáng hay thế kỷ 20.(33)

Đó là Phương Pháp luận Cơ Cấu theo lối Michel Foucault. Ngoài ra, trong quyển “Les Mots et les Choses”, Michel Foucault tỏ ra Quý Khoa Học Hơn Con Người., lấy cớ rằng sự hiện diện của con người sẽ làm cho Khoa Học cũng như Triết Học bị nguy cơ Chủ Quan, nên cần gẫy con người ra để bảo toàn tính Khách Quan cho Khoa Học. Sự CHỐI BỎ CON NGƯỜI này cũng đưa tới việc CHỐI BỎ LỊCH SỬ.

c) LOUIS ALTHUSSER

Sau Michel Foucault là Louis Althusser, một Lý Thuyết gia Cộng Sản chủ trương đọc lại quyển ‘Capital’ của Karl Marx. Althusser nghĩ là Tư Tưởng Mác-Xít đã bị hiểu sai vì bị đọc qua các lăng kính Duy Sử, Duy Tâm và Duy Kinh Tế. Nguyên nhân theo ông là người ta cứ tưởng rằng có thể hiểu hết toàn bộ công trình của Marx một cách mạch lạc. Ngay cả Marx theo Althusser, cũng không hoàn toàn nắm vững tất cả vấn đề, mà chỉ cố gắng giải thích một cách gián tiếp hoặc trong giới hạn của khả năng truyền đạt của mình. Ngoài ra, theo ông, tuy chủ trương một cuộc ‘Cách Mạng Xã Hội’ toàn triệt, nhưng Marx vẫn không thể tránh hết những ‘tàn dư’ của chủ nghĩa Nhân Bản, Duy Sử hay ‘biện chứng’ Duy Tâm của Hegel còn sót lại trong tác phẩm của mình.

Theo Althusser, điều làm Tư Tưởng của Marx khác với những tác giả trước ông là sự kiện Marx bác bỏ sự phân đôi Chủ Thể với Khách Thể, cũng như từ chối quan điểm của các nhà Kinh Tế Cổ Điển là có thể giải quyết nhu cầu của các Cá Nhân một cách riêng rẽ, độc lập với một Tổ Chức kinh tế. Althusser cũng không đồng ý với chủ trương của trường phái Kinh Tế Cổ Điển nhằm xử dụng nhu cầu Cá Nhân như tiền đề để giải thích một phương pháp Sản Xuất hay như khởi điểm cho một lý thuyết về Xã Hội.

Althusser cũng đồng thời bác bỏ quan điểm của các tác giả Mác-Xít khác nhằm xử dụng Kinh Tế như yếu tố Duy Nhất để giải thích các khía cạnh Xã Hội khác. Theo ông, hạ tầng cũng như thượng tầng đều lệ thuộc vào Toàn Thể kiến trúc, mặc dầu Kinh Tế thường nắm giữ vai trò quyết định đối với các yếu tố khác.

Và Louis Althusser chĩa ‘mũi dùi’ vào vai trò của Ý THỨC HỆ được quan niệm như CƠ CẤU (Structure) hay Hệ Thống (Système) mà qua trung gian của gia đình, các tổ chức tôn giáo, cơ quan truyền thông, tuyên truyền và nhất là hệ thống giáo dục, đã biến cá nhân (individu) thành CHỦ THỂ (Sujet) với niềm tin hay ảo tưởng là biết ‘tự ý thức’, nhưng trên thực tế, theo Althusser thì đương sự bị ‘nhồi sọ’ từ tuổi ấu thơ bởi Cơ Cấu Vô Thức hay Ý Thức Hệ thống trị !

Cuối cùng, vì ‘dị ứng’ với Ý Thức Hệ bị ‘cáo buộc’ là biến cá nhân thành Chủ Thể, bằng ảnh hưởng đến tất cả những gì nó xem, nghe, cảm, nghĩ, Louis Althusser đã đi đến việc Phủ Nhận Con Người, kể cả con người Kinh Tế để không chạm tới tính Xác Đáng của Khoa Học !!! (34)

Nhưng nhà phê bình Judt thì có nhận xét là hình như qua tác phẩm của mình, Althusser có ‘âm mưu’ “chuyển hoá thuyết Mác-Xít ra khỏi toàn bộ đời sống Chính Trị, Lịch Sử cũng như kinh nghiệm Thực Tế hầu tránh mọi hình thái phê phán có thể làm lung lay chủ nghĩa này!

4) JACQUES LACAN

Nếu dưới ánh sáng những khám phá mới của Cơ Cấu luận, Louis Althusser ‘hô hào’ hãy đọc lại Karl Marx, thì Jacques Lacan, ‘nhân vật’ cuối cùng của ‘Tứ Trụ’ (les quatre Grands) của trào lưu Cơ Cấu Luận, lại kêu gọi “trở về với Tư Tưởng của Simund Freud”, người sáng lập ra Phân Tâm học (Psychanalyse).

Xuất thân từ trường phái Siêu Thực (Surréalisme), tuy sau này gia nhập trào lưu Phân Tâm học, nhưng ảnh hưởng của Lacan vẫn rộng lớn trong lãnh vực Phê Bình Văn Học. Hành trình “Trở về với Freud” của Lacan nhấn mạnh đến khía cạnh Ngôn Ngữ học qua

phương pháp áp dụng vào Triệu Chứng học trong lãnh vực Phân Tâm.

Trong các cuộc Họp Mặt về Phân Tâm học mà ông ‘chủ trì’ kéo dài 27 năm ròng rã, Lacan trình bày các ý tưởng của mình về VÔ THỨC (Inconscient) mà CỐ CẤU (Structure) cùng với các cách thức biểu hiện, gắn liền với các chức năng của NGÔN NGỮ (Langage)

Ngoài Vô Thức, một ý niệm quan trọng khác trong Phân Tâm học của Freud liên quan đến giai đoạn ‘SOI GƯƠNG’ (l'étape du Miroir) trong tiến trình lớn khôn của đứa trẻ. Lacan cho rằng đây là lúc bắt đầu hành trình Khách Thể hóa (Objectivation), tức lúc mà cái Bản Ngã (Ego) của đứa trẻ bắt đầu thành hình. Theo ông, có một sự xung đột giữa những cảm xúc mà đứa trẻ đang có trong lòng với cái hình ảnh mà nó thấy trong gương soi.

Để giải quyết xung đột nêu trên, nguyên nhân của tình trạng mà ông gọi là “Vong Thân” (Aliénation), đứa trẻ đồng nhất hóa (Identifier) nó với hình ảnh của nó trong gương soi. Và theo Lacan, đó là lần đầu tiên mà đứa trẻ ‘tự đồng nhất’ mình với ‘tha nhân’ và cũng khởi đầu sự hình thành ‘cái tôi’.

Tương quan giữa ‘cái tôi’ (Ego) và hình ảnh trong gương soi mà theo Lacan, nằm trong thế giới TƯỢNG TƯỢNG (l'Imaginaire), có tính chất ‘tự ngắm tự yêu’ (Narcissique) và phản ảnh tình trạng Vong Thân triệt để. Nếu trong tiến trình lớn khôn của đứa trẻ, thế giới Tượng Tượng đóng vai trò của ‘tha nhân’ (l'autre) thì đây chỉ là loại ‘tha nhân’ nhỏ bé, nên chứa đầy ảo ảnh, vọng động.

Tha Nhân (l'AUTRE) chân thực theo Lacan, nằm trong thế giới BIỂU TƯỢNG (le Symbolique). Thế giới Biểu Tượng là cái mà Cơ Cấu luận gọi là cái “diễn tả” (signifiant) thuộc Nhân giới hay thế giới Văn Hóa (l'ordre Culturel), còn cái “được diễn tả” (signifié) và các ý nghĩa thì nằm trong thế giới Tượng Tượng (l'Imaginaire) thuộc Nhiên giới (l'ordre Naturel).

Bên cạnh hai thế giới Biểu Tượng và Tượng Tượng, Lacan còn đặt thêm thế giới thứ ba gọi là THỰC TẠI (le Réel). Nếu thế giới Biểu

Tượng có hai chiều kích (hiện diện/vắng mặt), thì Thực Tại chỉ có một chiều kích duy nhất và ‘đị ứng’ với tiến trình Biểu Tượng hóa.

Tóm lại, Cơ Cấu luận ‘kiểu Jacques Lacan’ chủ trương sự hiện hữu của ba Thế Giới: nếu thế giới BIỂU TƯỢNG (le Symbolique) thực sự ấn định tiến trình CHỦ THỂ hóa của cá nhân, thì thế giới TƯỢNG TƯỢNG (l’Imaginaire) làm thành bởi hình tượng, ảo giác đi theo sau thế giới Biểu Tượng, còn THỰC TẠI (le Réel) đúng là thế giới “Ta Bà”, của Khổ Đau, Âu Lo, Khắc Khoải !!!(35)

Lê Việt Thường

(Hết Phần Ba)

CHÚ THÍCH

(21) Hoàng Xuân Hào, “Nhân Quyền trong Luật Hồng Đức: Niềm Tự Hào Dân Tộc” Thế Kỷ 21, số 113, th.9/98, tr. 29, trích từ Lois W. Banner, “Women in Modern Australia : A Brief History” San Diego: Harcourt Brace Jovanovich Inc 1984, tr.9

(22) Hoàng Xuân Hào, Idem, tr.30, trích từ J. O. Smith, M. F. Rice & W. Jones Jr, “Blacks and American Government: Politics, Policy & Social Change, 2nd ed. Iowa: Kendall/Hunt Publ.Cie, 1991 tr. 59

(23) Lê Việt Thường, “Luật Hồng Đức và Vấn Đề Dân Chủ: Tinh Thần và Thể Chế”, “anviettoancau.net”, tháng 01/08

(24) Trần Đổ Dũng, Idem, tr.194, trích từ Claude Lévi-Strauss, “Valons-nous mieux que les sauvages”, Tạp Chí “Réalités ” số th. 1-1965

(25) David Suzuki, “The Sacred Balance”, Allen & Unwin, 1999 Syd., Aus tr.213-7

(26) Trần Đổ Dũng, Idem, tr.205

(27) Fritjof Capra, “Where have all the Flowers Gone: Reflections on the Spirit and Legacy of the Sixties”, 01/12/ 2002

(28) Kim Định, “Cửa Không”, Lĩnh Nam, Louisiana, USA, 1997, tr.52, trích từ J.G. Gauthier, “Les Livres Sacrés de l’Orient”, Société de Panthéon Littéraire, Paris, 1843, France

(29) Roland Barthes, “Mythologies”, Vintage 1993, tuyển dịch từ “Mythologies” Du Seuil 1957

(30) Roland Barthes, “la Mort de l’Auteur”, Du Seuil, Paris, 1984

(31) Roland Barthes, “le Degré Zéro de l’Écriture”, Du Seuil, 1972

(32) Michel Foucault, “Les Mots et les Choses”, Gallimard, Paris, 1966 Yvan Simonis, Idem, tr. 359

(33) Michel Foucault, “L’Archéologie du Savoir”, Gallimard, Paris, 1969

(34) Louis Althusser, “Reading Capital”

(35)Jacques Lacan, "Écrits" ng. dịch Bruce Fink W. Norton & Cie NY 2006